

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN U M T  
TỈNH KIÊN GIANG**

Bản án số: **15/2022/DS-ST**

Ngày: 29 -4-2021

*“V/v tranh chấp hợp đồng  
mua bán tài sản”*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN U M T, TỈNH KIÊN GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Tấn Lợi

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Nguyễn Hoàng Khởi

2. Ông Nguyễn Hoàng Hồ

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Trần Thị Tú Nguyên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện U M T, tỉnh Kiên Giang.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện U M T tham gia phiên tòa:***  
Không tham gia

Ngày 29 tháng 4 năm 2022, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện U M T, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 59/2021/TLST-DS, ngày 24 tháng 5 năm 2021 về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2022/QĐXXST-DS, ngày 24 tháng 3 năm 2022, giữa các đương sự:

**Nguyên đơn:** Ông Huỳnh Văn G, sinh năm 1973

Địa chỉ: Ấp V, xã H, huyện U M T, Kiên Giang.

**Bị đơn:** Ông Đặng Thanh T, sinh năm 1975 vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã T Y, huyện U M T, Kiên Giang.

**Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:**

1/ Bà Đặng Thị Q, sinh năm 1974 (vợ ông T) vắng mặt

Địa chỉ: Ấp C, xã T Y, huyện U M T, Kiên Giang.

2/ Ông Nguyễn Thành D ( vắng mặt )

Địa chỉ: Ấp Th, xã V H, huyện U M T, Kiên Giang.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo đơn khởi kiện ngày 20/4/2021 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn ông Huỳnh Văn G trình bày:***

Nguyên trước đây ông Đặng Thanh T có mua vật liệu xây dựng của gia đình tôi với số tiền 106.400.000 đồng.

Ngày 04/11/2015 ông Đặng Thanh T có cam kết xác nhận nợ tôi số tiền 106.400.000 đồng và hứa đến ngày 10/01/2017 sẽ trả đủ cho tôi số tiền nợ đã mua vật liệu xây dựng. Tôi nhiều lần yêu cầu ông T trả nợ, nhưng ông T hèn rất nhiều lần, nhưng đến nay vẫn chưa trả. Nên tôi làm đơn yêu cầu Ban lãnh đạo ấp C, xã T Y, huyện U M T tiến hành hòa giải, tại phiên hòa giải ngày 16/4/2021 ông Đặng Thanh T đã thừa nhận số nợ 106.400.000 đồng và có ký xác nhận nợ với tôi, nếu không thanh toán xin chịu trách nhiệm trước pháp luật. Nhưng đến nay ông T vẫn không trả nợ.

Nay yêu cầu Tòa án buộc ông Đặng Thanh T phải có nghĩa vụ trả cho tôi số tiền 106.400.000 đồng và yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 10/01/2017 cho đến khi xét xử sơ thẩm.

**Tại biên bản hòa giải ngày 10/6/2021 bị đơn ông Đặng Thanh T trình bày:**

Vào năm 2015 ông T hùn vốn với công ty Dương Phát U M T do ông Nguyễn Thành D làm giám đốc để làm lộ nông thôn kinh năm Biển A, thuộc xã N, huyện A B, tỉnh Kiên Giang. Sau đó ông D tự liên hệ với cửa hàng vật tư xây dựng của ông Huỳnh Văn G để mua nợ vật tư xây dựng công trình, gồm 3 đợt, tổng số tiền gốc là 106.400.000 đồng. Ông T biết việc ông D còn nợ tiền vật tư anh G là 106.400.000 đồng. Ông D nói với ông T là trong công trình Kinh Năm Biển còn nợ tiền ông D là 265.000.000 đồng nếu lấy tiền từ công trình ra thì trả tiền vật tư cho anh G 106.400.000 đồng. nên ông T đồng ý nhận ủy quyền của ông D với anh G.

Ông T xác nhận: Trong tờ xác nhận đề ngày 04/11/2015 và ngày 26/12/2016 ( do ghi nhầm 2006) là do chính tay ông T viết ra và ký tên nhận nợ của ông Huỳnh Văn G, tổng số tiền 106.400.000 đồng.

Anh G yêu cầu ông T trả tiền vật tư mua còn thiếu là 106.400.000 đồng, bị đơn ông T cho rằng hiện công trình vẫn còn nợ tiền bên công ty Dương Phát,

nên ông không có khả năng trả nợ cho anh G. Nếu Anh G đòi tiền gấp, thì yêu cầu ông D ủy quyền cho anh G đi nhận tiền tại UBND xã N, huyện A B, tỉnh Kiên Giang.

Theo ông T hiện công trình đã nghiệm thu và đưa vào sử dụng, còn việc UBND xã N có thanh toán tiền công trình cho ông D dứt điểm chưa thì ông T không biết. Nên yêu cầu của phía nguyên đơn, ông T không đồng ý trả nợ cho Anh G.

**Từ khi thụ lý vụ án cho đến nay bà Đặng Thị Q và ông Nguyễn Thành D là người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan không đến Tòa án và không có ý kiến trình bày.**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

*[1]. Về thủ tục tố tụng:* Bị đơn ông Đặng Thanh T, Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Thành D và bà Đặng Thị Q được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với họ là đúng quy định của pháp luật.

*[2]. Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:*

Nguyên đơn ông Huỳnh Văn G yêu cầu bị đơn ông Đặng Thanh T phải có nghĩa vụ trả tiền mua vật tư xây dựng còn thiếu 106.400.000 đồng. Đây là tranh chấp hợp đồng dân sự được quy định tại khoản 3 điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 vụ kiện này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện U M T.

*[3]. Về nội dung tranh chấp:*

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy: Tại tờ xác nhận đề ngày 04/11/2015 và ngày 26/12/2016 ông T xác nhận do chính ông viết và ký tên, trong tờ xác nhận này ghi rất rõ “ .. Cộng sổ còn nợ lại anh G số tiền 106.400.000 đồng ( Một trăm lẻ sáu triệu bốn trăm ngàn chẵn), còn cam kết đến ngày 10/01/2017 sẽ trả. Mặc khác tại biên bản hòa giải của ấp C, xã T Y, huyện U M T ông T thừa nhận còn nợ anh G 106.400.000 đồng. Do đó ông T có trách nhiệm trả cho anh G số tiền 106.400.000 đồng là đúng quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự 2015.

Yêu cầu tính lãi chậm trả của nguyên đơn là đúng quy định tại khoản tại khoản 3 Điều 440 BLDS 2015. Theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 thì lãi suất được tính là 10%/ năm.

106.400.000 đồng x 10%/năm x 05 năm 03 tháng = 55.636.560 đồng, tiền lãi.

Tổng cộng gốc và lãi: 162.036.560 đồng.

Xét yêu cầu của bị đơn ông T thừa nhận có ký nhận nợ với anh G, nhưng cho rằng có hùn với công ty Dương Phát U M T, để làm đường giao thông ở xã N huyện A B với ông Nguyễn Thanh D làm giám đốc, ông D kêu ông nhận nợ chỗ anh G, rồi khi làm xong công trình ông T sẽ lấy tiền trả cho anh G, nên anh G cần gấp thì kêu ông D ủy quyền cho anh G đi nhận tiền từ UBND xã Nam Thái. Hội đồng xét xử xét thấy: Việc ông mua vật tư xây dựng còn nợ tiền anh G mà ông đã cam kết trả thì ông phải có nghĩa vụ trả nợ cho anh G, còn việc ông hùn làm ăn với ông D như thế nào, thì ông và ông D tự giải quyết, nếu không được thì yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật, còn ý kiến phản bác của ông không có cơ sở để chấp nhận.

Do nguyên đơn anh G không yêu cầu bà Q vợ ông T cùng trả nợ, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Đặng Thanh T phải nộp án phí giá ngạch theo Nghị quyết số: 326 ngày 30/12/2016 của Quốc hội. Ông Huỳnh Văn G không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm ứng cho anh G số tiền 2.660.000 đồng theo lai thu số 0000734 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Vì các lẽ trên,

#### **QUYẾT ĐỊNH:**

- Căn cứ Điều 26, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng các Điều 430, Điều 440, 357,468 Bộ luật Dân sự 2015; điểm c khoản 1 Điều 11; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

**1.** Chấp nhận T bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ông Huỳnh Văn G đối với bị đơn ông Đặng Thanh T về việc tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản.

**2.** Buộc ông Đặng Thanh T trả cho ông Huỳnh Văn G số tiền 162.036.560 đồng.(Một trăm sáu mươi hai triệu không trăm ba mươi sáu ngàn, năm trăm sáu mươi đồng). Trong đó tiền gốc: 106.400.000 đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực thi hành và nguyên đơn có đơn yêu cầu thi hành án mà bị đơn ông Đặng Thanh T không chấp hành thì phải chịu lãi suất chậm trả đối với khoản tiền chậm thi hành theo lãi suất quy định tại khoản 2 điều 357 Bộ luật dân sự 2015. Tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

**3. Về án phí dân sự sơ thẩm:** Ông Đặng Thanh T nộp án phí giá ngạch số tiền: 162.036.560 đồng x 5% = 8.101.828 đồng

Ông Huỳnh Văn G không phải nộp án phí, trả lại án phí tạm ứng cho anh G số tiền 2.660.000 đồng theo lai thu số 0000734 ngày 21/5/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện U M T.

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt, niêm yết hợp lệ.

*“Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự”.*

**Nơi nhận:**

- Tòa án nhân dân tỉnh KG;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện UMT;
- Chi cục Thi hành án DS huyện UMT;
- Các đương sự;
- Lưu hs.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Tấn Lợi**